

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị - Quản lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Thị Kim Ngọc

2. Ngày tháng năm sinh: 23/08/1974; Nam; Nữ ; Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 404 K9, Bách Khoa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 10E, phố Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà nội.

Điện thoại di động: 0903 217 533; E-mail: ngoc.phamthikim@hust.edu.vn;
ngocptk@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 10 năm 1996 đến tháng 2 năm 1998: chuyên viên phòng Tổng hợp và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Kiểm tra Chất lượng và vệ sinh an toàn Thủy sản (NAFIQACEN) (nay là Cục Kiểm tra chất lượng và vệ sinh an toàn thủy sản), Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

- Từ tháng 9 năm 2000 đến 08 tháng 1 năm 2013: giảng viên Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế và Quản lý (nay là Viện Kinh tế và Quản lý), Trường Đại học Bách Khoa Hà nội;

- Từ tháng 9 năm 2000 đến tháng 10 năm 2002: Bí thư BCH Liên chi đoàn Khoa Kinh tế và Quản lý (viện Kinh tế và Quản lý), Trường Đại học Bách Khoa Hà nội;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 09 tháng 1 năm 2013 đến nay: Trưởng Bộ môn Khoa học Quản lý và Luật, Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách Khoa Hà nội

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn Khoa học Quản lý và Luật, Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách Khoa Hà nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách Khoa Hà nội, thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: Phòng 302-C9, Đại học Bách Khoa Hà nội, số 1 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà nội.

Điện thoại cơ quan: 024 3869 2304

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 05 năm 1996; số văn bằng: 149547; ngành: Kinh tế hoá, chuyên ngành: ...(không có).....; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 04 năm 2000; số văn bằng: ...(không có).....; ngành: Quản trị Kinh doanh; chuyên ngành: Kinh doanh quốc tế, Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Công nghệ Châu Á – AIT, Thái Lan

- Được cấp bằng TS ngày 09 tháng 10 năm 2009; số văn bằng: (không có); ngành: Kinh tế và xã hội học; chuyên ngành: ...(không có).....; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học tổng hợp Fribourg, Thụy sĩ.

Các văn bằng, xác nhận khác:

- Công nhận Bằng tốt nghiệp Tiến sĩ, số 007746/CNVB-TS do Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 17 tháng 12 năm 2018.

- Công nhận Bằng tốt nghiệp Thạc sĩ, số 002367/CNVB-ThS do Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 14 tháng 12 năm 2017;

- Chứng chỉ bồi dưỡng về Kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, số HNKT/2004/0490, do Trường Cán bộ thương mại Trung ương cấp ngày 21 tháng 05 năm 2004;

- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, do Chương trình phát triển quản lý Thụy Sĩ, AIT, Việt nam (SAV) cấp vào tháng 4 năm 1998;

- Chứng chỉ hoàn thành chương trình Diploma về Quản trị kinh doanh, số 90016, do Chương trình phát triển quản lý Thụy Sĩ, AIT, Việt nam (SAV) cấp ngày 17 tháng 04 năm 1999;
 - Chứng chỉ đào tạo khoá học Talkbase tiếng Anh dành cho học viên học cao học chương trình Quản trị kinh doanh do Chương trình phát triển quản lý Thụy Sĩ, AIT, Việt nam (SAV) tổ chức tại thành phố HCM, cấp ngày 24 tháng 4 năm 1998;
 - Chứng chỉ học thạc sĩ hoàn toàn bằng tiếng Anh do AIT cấp ngày 21 tháng 04 năm 2000;
 - Chứng chỉ Giáo dục học đại học, số 12326 do Trường Cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo cấp ngày 16 tháng 01 năm 2001;
 - Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, số 20041 do Trường Đại học Sư phạm Hà nội cấp ngày 05 tháng 09 năm 2016;
 - Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II), số 000056 do Trường Đại học Bách Khoa Hà nội cấp ngày 23 tháng 03 năm 2018;
 - Chứng chỉ đào tạo về Phương pháp sư phạm mới trong đào tạo sau đại học cho các giảng viên ở Thế kỷ 21, do Trung tâm đào tạo MASHAV, Isarel tổ chức từ 25 tháng 11 đến 14 tháng 12 năm 2018;
 - Chứng nhận đã hoàn thành khoá tập huấn “Tập huấn cho tập huấn viên về phương pháp đào tạo nâng cao cho người lớn” do Dự án hỗ trợ phát triển đồng bằng sông Mê Kông MPDF tổ chức tháng 6 năm 2001;
 - Chứng nhận đã hoàn thành khoá tập huấn “Tập huấn cơ bản cho tập huấn viên”, do AITCV tổ chức từ 19 đến 23 tháng 6 năm 2006;
 - Chứng chỉ đào tạo về Quản trị hành chính công, tổ chức bởi Trung tâm năng suất Hàn quốc, 23-26 tháng 2 năm 2014;
 - Chứng chỉ đào tạo Chương trình chuyên gia trong ngành công nghiệp phụ trợ: Khoá học Phân tích doanh nghiệp nhỏ và vừa, do Hiệp hội Định giá Hàn quốc tổ chức từ 28 tháng 8 đến 10 tháng 09 năm 2017;
 - Chứng nhận hoàn thành khoá học về “Sáng kiến, Đổi mới, Sáng tạo trong hệ thống giáo dục SEA, do Trường Gordon và MASHAV tổ chức cấp ngày 03 tháng 8 năm 2020.
 - Chứng nhận hoàn thành khoá học về “Nâng cao năng lực cán bộ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp tại thành phố Hà nội và các vùng lân cận” do BK-Holdings tổ chức vào tháng 7 năm 2020.
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Bách Khoa Hà nội (Hội đồng 3: Cơ học, Cơ khí – Động lực, Kinh tế)
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phát triển tổ chức và quản trị nguồn nhân lực
- Đổi mới và phát triển bền vững

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 12 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Bộ Giáo dục và đào tạo với vai trò Chủ nhiệm đề tài
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở trường Đại học Bách khoa Hà nội với vai trò là chủ nhiệm đề tài
- Đã công bố 40 bài báo khoa học gồm có 03 bài trước khi nhận học vị tiến sĩ và 37 bài sau khi nhận học vị Tiến sĩ đến nay, trong đó:
 - + 08 bài báo khoa học trên Tạp chí quốc tế; trong đó có 05 bài đăng trong các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (Scopus, WoS), 01 bài báo trong danh mục của nhà xuất bản Springer Nature
 - + 14 bài báo công bố trong các Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, trong đó có 01 bài trong danh mục của nhà xuất bản Springer (Scopus);
 - + 14 bài báo trong các Tạp chí khoa học trong nước;
 - + 01 bài báo công bố trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản nước ngoài có uy tín (Viện nghiên cứu của Ngân hàng Phát triển Châu Á- ADB)
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào Thanh niên Thủ đô năm học 2000-2001, số 720/QĐ/TUĐTN do BCH Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 08 năm 2001;
- Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào Thanh niên sinh viên năm học 2001-2002, số 07-2002 KT/TNBK, do Ban chấp hành Đoàn Trường ĐHBK Hà nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2002;
- Giấy chứng nhận đạt danh hiệu “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” giai đoạn 2010-2015, số 333/QĐ-CĐBK, do BCH Công đoàn Trường ĐHBK Hà nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2015;
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm học: 2013-2014; 2014-2015; 2015-2016; 2016-2017; và 2021-2022;
- Kỷ niệm chương vì Sự nghiệp giáo dục, số 4134/QĐ-BGDĐT, do Bộ Giáo dục và đào tạo tặng, ngày 09 tháng 11 năm 2021.
- Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian hơn 22 năm công tác tại Đại học Bách Khoa Hà nội (từ tháng 9 năm 2000 đến nay), tôi thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn, kỹ năng giảng dạy và rèn luyện tư cách đạo đức để luôn đáp ứng các tiêu chuẩn của một giảng viên đại học. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp, luận văn cao học thực hiện luận văn tốt nghiệp, nghiên cứu sinh thực hiện luận án tốt nghiệp, tôi luôn nỗ lực tham gia nghiên cứu khoa học, công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước, các hội thảo quốc tế và hội thảo quốc gia. Tôi luôn chủ động phối hợp với các đồng nghiệp trong và ngoài trường, với các doanh nghiệp và tổ chức để công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng, gắn với thực tiễn và đạt hiệu quả cao. Tôi đã đạt được danh hiệu CSTĐ các năm học từ 2013-2017 và 2021-2022, kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.

Bên cạnh công tác chuyên môn, từ tháng 7 năm 2000 đến tháng 9 năm 2002 tôi tích cực tham gia công tác Đoàn và được Chi uỷ, ban lãnh đạo Viện Kinh tế và Quản lý giao nhiệm vụ kiêm nhiệm làm Bí thư Liên chi đoàn Khoa Kinh tế và Quản lý (nay là Viện Kinh tế và Quản lý). Những nhiệm vụ này giúp tôi vừa có cơ hội rèn luyện đạo đức, tác phong, xây dựng lý tưởng và rèn luyện giáo dục sinh viên thế hệ trẻ của đất nước. Trong cuộc sống và công việc, tôi luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách của pháp luật của Nhà nước, các quy định của Trường, các tổ chức đoàn thể và nơi cư trú. Tôi luôn gương mẫu trong công tác, trách nhiệm và tận tâm với sinh viên và học viên, nghiên cứu sinh. Trong công việc tôi luôn có ý thức xây dựng tập thể, có mối quan hệ chan hoà và phối hợp tốt với đồng nghiệp góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết tại Bộ môn, Viện và Trường. Trong các năm qua tôi luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một người đảng viên, năm 2022 tôi đã đạt thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một người đảng viên Đảng cộng sản Việt nam.

Tôi tự đánh giá mình đáp ứng đầy đủ mọi tiêu chuẩn của Nhà giáo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo được quy định tại Luật Giáo dục và Điều lệ Trường Đại học

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018		02	03	02	0	240	418/670/216
2	2018-2019		02	03	03	0	240	416/674/216
3	2019-2020			02	01	285	90	447/678/216
03 năm học cuối								
4	2020-2021			01	0	300	285	615/967.5/216
5	2021-2022			02	0	390	135	585/907.5/216
6	2022-2023			01	04	375	90	573/930/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Thụy Sĩ năm 2008

(Luận án Nghiên cứu viết bằng tiếng Anh, <https://core.ac.uk/download/pdf/20644885.pdf>)

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Bách Khoa Hà nội, Chương trình Đào tạo Quốc tế

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đoàn Thị Thu Trang	X			X	2014-2019	Đại học Bách Khoa Hà nội	Bằng số D000519, Trường Đại học Bách Khoa Hà nội cấp ngày 11

								tháng 4 năm 2019 QĐ số 337/QĐ-ĐHBK-ĐT-SĐH, ngày 11 tháng 4 năm 2019
2	Trịnh Thu Thủy	X			X	2014-2019	Đại học Bách Khoa Hà nội	Bằng số D000532, Trường Đại học Bách Khoa Hà nội cấp ngày 11 tháng 4 năm 2019 QĐ số 337/QĐ-ĐHBK-ĐT-SĐH, ngày 11 tháng 4 năm 2019
3	Lê Thị Thanh Hương		X	X		2017-2018	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 2190/QĐ-ĐHBK-SĐH ngày 10 tháng 07 năm 2018
4	Phan Thị Tuyết		X	X		2017-2018	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 2190/QĐ-ĐHBK-SĐH ngày 10 tháng 07 năm 2018
5	Nguyễn An Thính		X	X		2017-2018	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 4537/QĐ-ĐHBK-ĐT-SĐH ngày 14 tháng 12 năm 2018
6	Nguyễn Thị Vân		X	X		2018-2019	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 1294/QĐ-ĐHBK-ĐT-SĐH ngày 09 tháng 07 năm 2019

7	Phạm Thị Nhung		X	X		2018-2019	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 1294/QĐ-ĐHBK-ĐT-SDH ngày 09 tháng 07 năm 2019
8	Nguyễn Đăng Tùng		X	X		2018-2019	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 1483/QĐ-ĐHBK-ĐT-SDH ngày 06 tháng 09 năm 2019
9	Nguyễn Huy Minh		X	X		2019-2020	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 310/QĐ-ĐHBK-ĐT- ngày 18 tháng 09 năm 2020
10	Dương Thị Ánh Nguyệt		X	X		2019-2020	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 310/QĐ-ĐHBK-ĐT- ngày 18 tháng 09 năm 2020
11	Nguyễn Gia Cường		X	X		2020-2021	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 1749/QĐ-ĐHBK-ĐT- ngày 26 tháng 07 năm 2021
12	Hồ Lê Tuấn		X	X		2021-2022	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 5850/QĐ-ĐHBK - ngày 26 tháng 12 năm 2022
13	Vũ Khánh Toàn		X	X		2021-2022	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 5850/QĐ-ĐHBK ngày 26 tháng 12 năm 2022
14	Nguyễn Minh Đức		X	X		2022-2023	Đại học Bách Khoa Hà nội	QĐ số 4782/QĐ-ĐHBK ngày 15 tháng 6 năm 2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Frontiers in High-Speed Rail Development	CK	ADB Institute, ISBN 978-4-89974-237-1 (print); 978-4-89974-238-8 (pdf), 2021	03	Tác giả chính	Part II: Wider Economic Impacts and Quality of Life Implications of Transport Infrastructure, Session 7: Estimating the environmental benefits from the development of High-Speed Rail in Vietnam, từ trang 197 đến trang 217	Xác nhận sử dụng sách số 34/GXN-ĐHBK-EM, ngày 6 tháng 4 năm 2023, Đại học Bách khoa Hà nội
2	KPIs – Công cụ hữu hiệu đánh giá thực hiện công việc tại các trường đại học kỹ thuật và công nghệ	CK	- Nhà xuất Bản Bách Khoa Hà nội, Hà nội 2020, ISBN: 978-604-9982-21-7 - Số xuất bản: 2178-2020/CXBIHP/08-41/BKHN; số QĐXB: 127/QĐ-ĐHBK-BKHN ngày 12/06/2020. In xong	08	X	Từ trang 43 đến trang 62; từ trang 96 đến trang 120; từ trang 157 đến trang 165; từ trang 177 đến trang 186; từ trang 219 đến trang 267	Xác nhận sử dụng sách số 37/GXN-ĐHBK-EM ngày 6 tháng 4 năm 2023, Đại học Bách khoa Hà nội

			và nộp lưu chiểu quý II năm 2020				
3	Thiết kế và phát triển sản phẩm đổi mới và sáng tạo	CK	Chương trình IPP (Đổi mới sáng tạo), 2012	02	X	i, ii, từ trang đến trang 56	Xác nhận sử dụng sách số 36/GXN-ĐHBK-EM ngày 6 tháng 4 năm 2023, Đại học Bách khoa Hà nội
4	Quản trị học	CK	- Nhà xuất bản Lao động, 2010 - QĐ07/2009-TKPH), giấy đăng ký KHXB số: 38-180/LĐ/CXB/LĐ ngày 17/12/2009 do NXB Lao Động cấp ngày 28/12/2009. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2010	02	X	i, ii, từ trang 1 đến trang 32, từ trang 46 đến trang 68, 70, 82, 84, 100, 102, từ trang 111 đến trang 119	Xác nhận sử dụng sách số 35/GXN-ĐHBK-EM ngày 6 tháng 4 năm 2023, Đại học Bách khoa Hà nội

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu và đề xuất hệ thống các chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPI) trong một số trường Đại học kỹ thuật công nghệ	CN	B2018-BKA-68, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 1 năm 2021	Quyết định số 333/QĐ-BGDĐT, 26/01/2021, Đạt

2	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của đội ngũ cán bộ hành chính của trường ĐHBK Hà nội	CN	T2017-PC-146, Trường Đại học Bách Khoa Hà nội	Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 10 năm 2018	31/10/2018, Xuất sắc
3	Nghiên cứu khảo sát, đánh giá tình hình sử dụng và các nhân tố tác động tới việc sử dụng xe đạp điện của học sinh – sinh viên tại các trường học ở thành phố Hà Nội	CN	T2014-4, Trường Đại học Bách Khoa Hà nội	Tháng 3 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014	15/09/2014, Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Comparative study on internationalization strategies of enterprises in low tech and high-tech industries in Vietnam and Thailand: Perspectives and Methodology Approach	1	X	Proceeding in the 10th International Conference on Global Business and Economic Development on “Creativity and Innovation: Imperatives for Global Business and Development” in Kyoto, Japan, https://www.agbrp.world/files/ugd/5793fb_52ab5e14045f4f49bf00192cb2d33bdc.pdf	Hội thảo quốc tế có phản biện		Section 1, pp. 183-198	tháng 8/2007
2	E-commerce development in Vietnam and understanding online consumer behaviour,	2	X	Proceeding of 2nd International Conference on Management Education for the 21st Century in Hanoi 2003, Managing Future Challenges	Hội thảo quốc tế có phản biện		Section : IT Ecommerce E-Learning, pp 98-110	tháng 9/2003

3	Small Enterprises and Medium Enterprises: which is more efficient for the Socioeconomic Development in Vietnam,	1	X	Proceeding of the 7th International Conference on Global Business and Economic Development on “Strategies for sustainable globalization: Business Responses to Regional Demands & Global Opportunities” in Bangkok, Thailand, printed ISBN Vol.I: 0-9660656-7-0; Vol.II, ISBN: 0-9660656-8-9, CD: ISBN: 0-9660656-4-6, https://www.agbrp.world/publications	Hội thảo quốc tế có phản biện		Vol. 2, pp. 1294-1304	tháng 1/2003
II		Sau khi được công nhận PGS/TS						
II.1 Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế								
4	Factors affecting work motivation of lecturers: An empirical study at Vietnamese technical universities	2	X	Central European Management Journal, ISSN 2336-2693, E-ISSN 2336 4890, https://doi.org/10.57030/23364890.cemj.31.2.86	Scopus (Q3)		Vol. 31, Iss. 1, pp 802-810	05/2023
5	The Impact of Leadership Capability, Job Stress and Work-Life Balance on Job Satisfaction in Vietnamese Logistics Industry: An Analysis Based on the Second-Order Constructs	1	X	The Journal of Asian Finance, Economics and Business, pISSN: 2288-4637, E-ISSN 2288-4645, https://doi.org/10.13106/jafeb.2023.vol10.no1.0019	ESCI (Q2), H-index: 25, WoS		Vol. 10, Iss. 1, pp19-29	01/2023
6	Factors influencing consumer buying behavior of confectionery products of domestic enterprises: An empirical study in Hanoi	2	X	Advances in Economics, Business and Management Research (APMRC 2022), Atlantis press, ISBN: 978-94-6463-076-3, 2352-5428, doi: 10.2991/978-94-6463-076-3_43	Springer Nature		Vol. Proceedings of the 4th Asia Pacific Management Resear	12/2022

				https://www.atlantispress.com/proceedings/apmrc-22/125978000			ch Conference (APMRC 2022), pp537-552	
7	The Impacts of Organizational Culture on Organizational Commitment: Evidence from Vietnamese Garment Companies	1	X	The Journal of Asian Finance, Economics and Business, pISSN: 2288-4637, eISSN: 2288-4645 https://doi.org/10.13106/jafeb.2022.vol9.no9.0339	ESCI (Q2), H-index: 25, WoS		Vol. 9, Iss. 9 pp339-350	10/2022
8	Motivations for and barriers to using high-speed rail: An application of conjoint analysis – Insights from Vietnam	2	X	Journal of Transport and Supply Chain Management, ISSN: 2310-8789, E-ISSN: 1995-5235 , DOI: 10.4102/jtscm.v16i0.705	ESCI (Q3), H-index: 8		Vol. 16, a705	07/2022
9	KPIs identification for performance evaluation: A case study of academic staff in Engineering and Technology Universities in Hanoi	2	X	Asian Journal of Research in Education and Social Sciences, e-ISSN: 2682-8502 ; https://myjms.mohe.gov.my/index.php/ajress/article/view/9600			Vol. 2, Iss. 2, p1-9	06/2020
10	Relationships of Organizational Culture and Pro-activeness on Managerial Career Adaptability in Vietnamese Telecommunication Enterprises	2	X	International Journal of Innovation, Creativity and Change (IJICC); ISSN: 22011323 ; https://www.ijicc.net/index.php/ijicc-editions/2019/102-vol-7-iss-4	SCOPUS (Q4); H-index: 14, IF: 0.3		Vol.7, Iss. 4, pp196-211	2019
11	Job Satisfaction of Administrative Staff in Vietnamese Public Technology University	1	X	International Journal of Modern Trends in Social Sciences, eISSN: 2600-8777 , DOI: 10.35631/IJMTSS.280015			Vol. 2, Iss. 8, pp149-161	7/2019

II.2 Bài báo khoa học đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế								
12	Policy Measures to Promote Electric Mobility in Emerging Cities	1	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure: Proceedings of the 6th International Conference on Geotechnics, Civil Engineering Works and Structures, Lecture notes in Civil Engineering, Published by Springer, Print ISBN: 978-981-16-7159-3; Online ISBN: 978-981-16-7160-9 https://doi.org/10.1007/978-981-16-7160-9_170	Springer (Scopus Index, IF: 0.7)		Vol.20 3, pp1683-1689	10/2021
13	Developing KPIs for academic staff performance evaluation in Engineering and Technologies Universities in Vietnam	2	X	Proceedings of Penang International Conference on Economics, Society and Technology (PICEST), eISBN: 978-967-16858-9-0 , https://www.scribd.com/document/464708235/PICEST2020-Conference-Proceeding#	Hội thảo quốc tế có phản biện		pp.61-70,	3/2020
14	Determinants of job satisfaction: A case study of admin staff in Vietnam's public university	1	X	Proceedings of International Conference on Business, Management, Technology and Education, Published by Academia Industry Network (002911676-U) Selangor, Malaysia, ISBN: 978-967-16956-0-9	Hội thảo quốc tế có phản biện		pp. 47-59	3/2019
15	Research Model on Factors Affecting Consumer Behavior Toward Two-Wheeler Electric Vehicle in Vietnam	3		Proceedings of the Eastern Asia Society for transportation studies (EASTS), ISSN: 1881-113 , https://www.easts.info/online/proceedings/vol.11/pdf/PP1830_H1.pdf https://www.easts.info/online/proceedings/vol.11/pdf/PP1830_H1.pdf	Hội thảo quốc tế có phản biện		Vol.11	12/2017

				line/proceedings/vol.11/head.htm				
16	The Vietnamese Profile of Partnership: Retrospective to Prospective	2	X	Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Partnership Enhancement, ISBN: 978-604-93-8961-0	Hội thảo quốc tế có phản biện		pp 369-373	11/2016
17	Factors influence on the employee's career capability in the transition to the management	2		Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Partnership Enhancement, ISBN: 978-604-93-8961-0	Hội thảo quốc tế có phản biện		pp 431-446	11/2016
18	Experience on Electric bicycle market development from China and other countries to Vietnam,			Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success, ISBN: 978-604-938-723-4	Hội thảo quốc tế có phản biện		Vol. 2, pp 555-565	11/2015
19	Study on Electric Bicycle Use in Vietnam	3		The 11th International Conference of the Eastern Asia Society for transportation studies (EASTS), ISSN 1881 - 1132 , https://www.easts.info/online/proceedings/vol10/pdf/1243.pdf https://www.easts.info/online/proceedings/vol.10/head.htm	Hội thảo quốc tế có phản biện		Vol.10	12/2015
20	Key success factors in business incubation and acceleration	2		Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success, ISBN: 978-604-938-723-4	Hội thảo quốc tế có phản biện		Vol. 1, pp343-354	11/2015
21	Competency-based Training Program Development for	2		Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Managing	Hội thảo quốc tế có phản biện		Vol.1, pp 384-394	11/2015

	Telecom Managers in Vietnam			to Success, ISBN: 978-604-938-723-4				
22	Developing competency model for telecom employees	2		Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success, ISBN: 978-604-938-723-4	Hội thảo quốc tế có phản biện		Vol.1, pp. 496-508	11/2015
23	Competitiveness, Green Business and the survival of SMEs in Vietnam,	2	X	Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Innovation Management in SMEs (ICECH2014), ISBN: 978-604-911-955-2	Hội thảo quốc tế có phản biện		pp.453-463	9/2014
24	Overview of E-bike use in the urban area of some countries and Vietnam	2		Proceedings of the International Conference on Emerging Challenges: Innovation Management in SMEs (ICECH2014), ISBN: 978-604-911-955-2	Hội thảo quốc tế có phản biện		pp.93-103	9/2014
25	Job satisfaction at South Korean Construction Companies in Vietnam	2	X	Proceedings of The International Conference on Economic Challenges – Improving SMEs’ Competitiveness, ISBN: 978-604-911-5127	Hội thảo quốc tế có phản biện		pp. 228-242	9/2013
II.3 Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước								
26	Cơ hội và thách thức đối với hoạt động khởi nghiệp sáng tạo ở Việt nam	2	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 2815 6188			Kỳ 2, tháng 6, 2023, tr.95-100	6/2023
27	Các yếu tố nội vi ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực tại các ngân hàng TMCP Việt nam trong bối cảnh chuyển đổi số: nghiên cứu tại Hà nội	1	X	Tạp chí Kinh tế & Dự báo, ISSN: 0866-7120			số 15, tháng 5/2023, tr.11-14	5/2023
28	Sự cam kết của nhân viên tại các doanh nghiệp bảo	1	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 2815 6188			Kỳ 2, tháng 5, 2023,	5/2023

	hiêm phi nhân thọ tại Việt nam						tr. 211-214	
29	Văn hoá tổ chức tại các cơ sở giáo dục đào tạo và bài học kinh nghiệm cho các trường đại học ở Việt nam	4	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, ISSN: 0868-3808			Số cuối tháng, Tháng 5 năm 2013, tr. 135-137	5/2023
30	Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp và bài học kinh nghiệm tại một số quốc gia trên thế giới	2		Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			số 4, tháng 2/2023, tr.164-169	2/2023
31	Nghiên cứu mức độ hài lòng của khách hàng đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời kỳ hậu Covid-19	1	X	Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			số 12, tháng 5/2022, tr.289-293	5/2022
32	Nhận thức về chuyển đổi số và ứng dụng chuyển đổi số trong các doanh nghiệp tại Việt nam,	1	X	Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			số 15, tháng 6/2021, tr.151-157	6/2021
33	Xây dựng chỉ số KPIs ứng dụng trong mô hình thể điểm cân bằng – trường hợp các trường đại học tại Việt nam	4	X	Tạp chí Kinh tế & Dự báo, ISSN: 0866-7120			Số 15, tháng 5, 2019, tr.124-128	5/2019
34	KPIs và việc sử dụng KPIs trong đánh giá thực hiện công việc tại các	4	X	Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			'Số 4, tháng 3/2019,	3/2019

	trường đại học tại Việt nam						tr. 118-124	
35	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của cán bộ quản lý trong doanh nghiệp viễn thông Việt nam	2	X	Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			Số 13, tháng 10 năm 2018, pp125-131	10/2018
36	Khả năng thích ứng nghề nghiệp: tiền đề và hệ quả	2	X	Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			Số 12, tháng 9 năm 2018, pp 246-251	9/2018
37	Động lực làm việc của cán bộ hành chính của tổ chức giáo dục đại học: nghiên cứu trường hợp tại một trường đại học kỹ thuật công nghệ hàng đầu tại Việt nam	2	X	Tạp chí Kinh tế & Dự báo, ISSN: 0866-7120			Số 18, tháng 6, 2018, pp 144-147	6/2018
38	Thúc đẩy thị trường xe điện hai bánh tại Việt nam	3	x	Tạp chí Kinh tế & Dự báo, ISSN: 0866-7120			Số 13, tháng 4, 2018, pp 55-57	4/2018
39	Thị trường xe đạp điện hai bánh Việt nam: Nhu cầu, Đặc điểm và Thực trạng	3		Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			Số 8, tháng 7/2017, pp	7/2017

							326-332	
II.4 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia								
40	Nghiên cứu phương pháp xác định giá trị công nghệ theo hình thức trực tiếp trên thị trường khoa học và công nghệ	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, ISBN: 9786046535553			pp120-137	6/2018

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 bài; là các bài số 4, số 5, số 7, số 8, và số 10.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

...					
-----	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Phát triển Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Kế toán; Tài chính Ngân hàng	Ủy viên HĐ	Quyết định số 925/QĐ-ĐHBK-TCCB ngày 05 tháng 05 năm 2017	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quyết định số 89/QĐ-ĐHBK-ĐT ngày 24 tháng 01 năm 2019	
2	Tự đánh giá chương trình đào tạo	Ủy viên HĐ	Quyết định số 2903/QĐ-ĐBHK-QLCL ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tự đánh giá các chương trình đào tạo đại học theo	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội		

			tiêu chuẩn AUN-QA			
3	Tự đánh giá CTĐT đại học Quản trị kinh doanh, Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Tài chính Ngân hàng, Kế toán	Ủy viên HĐ	Quyết định số 72, 73, 74, 75 và 76/QĐ- ĐHBK- KTQL ngày 20 tháng 12 năm 2019	Viện Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Bách Khoa Hà nội		

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 26 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Kim Ngọc